

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VB  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10-12-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Vịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Khanh

Ông Nguyễn Văn Quyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 10-12-2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 10-5-2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-10-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/QĐST-HNGĐ ngày 26-11-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Nh; đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 5, GPh, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Phố PhS, phường VN, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Ph; nơi cư trú: Cụm 5, GPh, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-4-2021, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Trương Thị Nh trình bày:

Chị và anh Bùi Văn Ph kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 29-4-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Ph không quan tâm đến gia đình nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không đạt kết quả, vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 03 năm, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Ph.

Về con chung: Chị và anh Ph có 01 con chung là Bùi Đức H, sinh ngày 18-10-2009 tại đơn khởi kiện chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy Nhên, sau khi nghe nguyện vọng của cháu H muốn ở với anh Ph nên khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu H cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chị đồng ý đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho tới khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai, trình bày:

Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như nội dung chị Nh trình bày là đúng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung trong quan hệ tình cảm tâm sinh lý nên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, chị Nh đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân nên anh đồng ý ly hôn với chị Nh.

Về con chung: Anh và chị Nh có 01 con chung là Bùi Đức H, sinh ngày 18-10-2009. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho tới khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện VB xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn và nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Trương Thị Nh được ly hôn với anh Bùi Văn Ph; giao con chung là Bùi Đức H, sinh ngày 18-10-2009 cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho tới khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là chị Trương Thị Nh có đơn xin ly hôn với anh Bùi Văn Ph có nơi cư trú tại xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB; Tòa án nhân dân huyện VB giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trương Thị Nh đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, và bị đơn anh Bùi Văn Ph chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa lần 2 anh Ph vắng mặt không có lý do, chị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph và chị Nh.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Nh và anh Bùi Văn Ph kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 29-4-2009. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Nh và anh Ph đều xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nh xin ly hôn anh Ph đồng ý. Tòa án đã tiến hành hòa giải Nhiều lần nhưng không thành từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh và anh Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Nh xin ly hôn với anh Bùi Văn Ph.

[4] Về con chung: Chị Nh và anh Ph có 01 con chung là Bùi Đức H, sinh ngày 18-10-2009. Khi ly hôn, anh Ph đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho tới khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, chị Nh cũng đồng ý giao con chung cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với mức như anh Ph yêu cầu. Xét thấy, cháu H đã trên 07 tuổi, hiện đang sinh sống và có nguyện vọng được ở với anh Ph. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Bùi Đức H cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 (Hai triệu đồng/tháng kể từ tháng 1/2022 cho tới khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh và anh Ph không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nh phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Nh được ly hôn với anh Bùi Văn Ph.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Đức H, sinh ngày 18-10-2009 cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng kể từ tháng 01-2022 cho tới khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3.** Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Nh đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số **0017594 ngày 10-5-2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB, thành phố Hải Phòng. Chị Nh còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ván phí cấp dưỡng nuôi con.

**4.** Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**5.** Về quyền kháng cáo: Chị Nh và anh Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện VB;
- Chi cục THADS huyện VB;
- UBND xã TH, huyện VB;
- Đường sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Đức Vịnh**